

Số: 662/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 22-6-2020

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ M**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Chu Thị Nguyệt

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Nguyễn Thị Nhơn

2. Bà Bùi Thị Cẩm Vân

*Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Xuân Trường - Thư ký Toà án nhân dân quận Bình TH, Thành phố Hồ Chí M.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình TH tham gia phiên tòa:*

Bà Phan Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Bình TH, Thành phố Hồ Chí M mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai đối với vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 1971/2019/TLST-HNGĐ ngày 16/10/2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/4/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 78/2020/QĐST-HNGĐ ngày 27/5/2020, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1988 (có mặt)

*Bị đơn :* Ông Mai Hoàng M, sinh năm 1984 (vắng mặt)

*Địa chỉ:* Phường 14, quận Bình TH, Thành phố Hồ Chí M.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn kiện cùng các lời khai của bà Nguyễn Thị Mỹ H trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thể hiện như sau:

Bà và ông Mai Hoàng M tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2010, được UBND Phường 2, quận Bình TH, Thành phố Hồ Chí M cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 50, quyển 01, ngày 27/5/2010.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống H phúc, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm và thiếu sự tôn trọng lẫn nhau, ông M thường có thái độ gay gắt, chửi mắng, xúc phạm bà ngay cả khi không có lý do gì. Ông M đi đâu, làm gì thậm chí thường xuyên vắng nhà nhiều ngày nhưng không bao giờ cho bà biết lý do ông đã đi đâu, làm gì. Bà đã nhiều lần góp ý nhưng ông M vẫn không thay đổi, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn thì ngày càng gay gắt nên ông bà đã sống ly thân. Trong suốt thời gian sống ly thân từ tháng 8/2019 đến nay, ông M chưa một lần về nhà thăm vợ con, để mặc một mình bà vừa lo kinh tế vừa chăm sóc, nuôi dạy con cái. Mặt khác, từ khi sống ly thân đến nay cả hai đều không còn sự quan tâm chia sẻ lẫn nhau, mạnh ai lo cuộc sống của người đó.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, khả năng vợ chồng quay về đoàn tụ là không thể nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông M để sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà H khai bà và ông M có 01 người con chung tên Mai Gia Huy, sinh ngày 29/9/2010, từ khi sống ly thân đến nay con do bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên bà yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Về vấn đề cấp dưỡng việc nuôi con: Bà H không yêu cầu ông M cấp dưỡng việc nuôi con chung cho bà.

Về tài sản chung: Bà H khai bà và ông M không có tài sản chung.

Về nợ chung: Bà H khai bà và ông M không có nợ chung.

Phía bị đơn – ông Mai Hoàng M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập lên Tòa án làm bản tự khai, Thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa. Ông M đã trực tiếp ký nhận các văn bản tổng đạt của Tòa án nhưng vẫn không đến Toà và cũng không có bất kỳ ý kiến phản hồi nào bằng văn bản đối với các yêu cầu của phía nguyên đơn.

### **Tại phần tranh luận:**

Nguyên đơn không phát biểu ý kiến tranh luận.

*Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình TH phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký*

*phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:*

*Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:*

Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng Dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Cụ thể: Thẩm phán xác định đúng thẩm quyền giải quyết của Tòa án, xác định vụ kiện thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa; Việc cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát thực hiện theo đúng quy định từ Điều 170 đến Điều 181 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đúng theo quy định tại Điều 209, 210, 211 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

*Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng :*

Đối với nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, 71 BLTTDS.

Đối với bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay bị đơn đã không thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 BLTTDS.

*Về nội dung:*

Ngày 02/10/2019, Tòa án nhân dân quận Bình TH nhận được đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ H về việc yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Mai Hoàng M.

Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nhận thấy, bà H và ông M chung sống với nhau có đăng ký kết hôn và được UBND Phường 2, quận Bình TH, Thành phố Hồ Chí M cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 50, quyền số 01 ngày 27/5/2010. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông M là hôn nhân hợp pháp. Nguyên đơn – bà H xin được ly hôn do từ năm 2019 vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn nên ông bà đã sống ly thân từ tháng 8/2019 đến nay. Bị đơn – ông M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng ông M không đến Tòa án để giải quyết vụ án, không gửi ý kiến bằng văn bản trình bày nguyện vọng về quan hệ hôn nhân cũng như việc chăm sóc nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn.

Về con chung: Bà H và ông M có 01 người con chung tên Mai Gia Huy, sinh ngày 29/9/2010. Khi ly hôn bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con

chung và không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ khi ông bà sống ly thân đến nay trẻ Huy được bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, mặt khác trẻ Huy cũng có nguyện vọng được sống với mẹ. Do đó, nên tiếp tục giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về án phí sơ thẩm:* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H phải đóng án phí dân sự sơ thẩm.

Bởi các lẽ trên, đề nghị HĐXX xem xét tuyên: Căn cứ Điều 19, 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; nghe ý kiến của đương sự; nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình TH, thành phố Hồ Chí M, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:**

Quan hệ tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Mai Hoàng M là tranh chấp về Ly hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn – ông Mai Hoàng M có địa chỉ cư trú tại số 43/7 Nơ Trang Long, Phường 13, quận Bình TH. Theo kết quả cung cấp chứng cứ ngày 30/10/2019 của Công an Phường 13, quận Bình TH, có cơ sở xác định bà ông Mai Hoàng M có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang cư ngụ sinh sống tại địa chỉ trên. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình TH.

#### **[2]. Về thủ tục tố tụng:**

Tòa án đã tiến hành triệu tập họp lệ bị đơn tham gia phiên tòa sơ thẩm xét xử lần 1 vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 27/5/2020 và lần 2 lúc 08 giờ 00 phút ngày 22/6/2020 nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành mở phiên tòa theo quy định.

#### **[3]. Về yêu cầu của nguyên đơn :**

Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Mai Hoàng M được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND Phường 2, quận Bình TH, thành phố Hồ Chí M cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 50, quyển 01, ngày 27/5/2010, nên xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Qua các lời khai của bà H có trong hồ sơ và tại phiên tòa đều khẳng định tình trạng hôn nhân giữa bà và ông M đã đến mức trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn. Nguyên nhân chính do bất đồng quan điểm, thiếu sự tôn trọng lẫn nhau dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi. Bà H khẳng định, hiện bà không còn tình cảm gì với ông M, cả hai đã sống ly thân một thời gian khá dài, trong suốt thời gian sống ly thân giữa đôi bên cũng không còn sự quan tâm, chia sẻ lẫn nhau về mọi mặt trong cuộc sống, mạnh ai lo cuộc sống của người đó. Mặt khác, từ khi dọn về nhà cha mẹ sống ly thân đến nay, ông M chưa một lần đến thăm hỏi vợ con, để mặc một mình bà H vừa lo kinh tế vừa nuôi dạy, chăm sóc con chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ lúc thụ lý vụ án cho đến thời điểm xét xử, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ ông Mai Hoàng M đến Tòa án để giải quyết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Trong đó có hai lần triệu tập hợp lệ ông M đến Tòa để Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đoàn tụ, ông M là người trực tiếp ký nhận văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông M đều vắng mặt không có lý do và cũng không có bất cứ ý kiến phản hồi gì đối với yêu cầu ly hôn bà H. Điều này thể hiện, ông M thực sự không còn quan tâm đến tình trạng hôn nhân giữa ông và bà H, không có thiện chí giải quyết mâu thuẫn vợ chồng để cùng nhau xây dựng cuộc sống gia đình H phúc, chung tay nuôi dạy con cái.

Mặt khác, Tòa án cũng đã nhiều lần phân tích, động viên bà H quay về đoàn tụ với ông M nhưng bà H khẳng định tình cảm vợ chồng không còn, khả năng hàn gắn là không thể. Bà cho biết, khi bà và ông M quyết định sống ly thân là nhằm mục đích cho ông M thêm thời gian để suy nghĩ, nhìn nhận lại cuộc sống hôn nhân của hai vợ chồng, để ông M tự thay đổi bản thân cùng bà xây dựng cuộc sống gia đình và nuôi dạy con cái. Trái lại, từ khi sống ly thân đến nay ông M không một lần đến thăm vợ con, không một lời quan tâm, hỏi han xem vợ con sống như thế nào, lâu ngày tình cảm bà dành cho ông M đã dần phai nhạt. Vì vậy, bà cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông M.

Từ các cơ sở trên, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông M đã đến mức trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

Về con chung: Bà H khai bà và ông M có 01 người con chung tên Mai Gia Huy, sinh ngày 29/9/2010. Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, từ khi ông bà sống ly thân đến nay, trẻ Huy đã quen với việc được bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, còn ông M lại không có bất kỳ ý kiến gì về yêu cầu nuôi con. Để đảm bảo cho sự phát triển toàn diện của trẻ, cần tránh sự thay đổi làm ảnh hưởng đến tâm lý của trẻ, Hội đồng xét xử xét thấy, cần phải tiếp tục giao trẻ Huy cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, đây cũng là nguyện vọng của trẻ Huy.

Nghĩa vụ cấp dưỡng việc nuôi con: Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà H, về việc không yêu cầu ông M cấp dưỡng việc nuôi con.

Về tài sản chung: Bà H khai bà và ông M không có tài sản chung.

Về nợ chung: Bà H khai bà và ông M không có nợ chung.

3. *Về án phí* : Bà H phải nộp án phí DSST không có giá ngạch là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227 ; Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Áp dụng Luật thi hành án dân sự;

- Áp dụng Luật án phí, lệ phí Tòa án;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### ***Tuyên xử:***

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Mỹ H:

*Về quan hệ vợ chồng*: Bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Mai Hoàng M được ly hôn.

*Về con chung*: Giao trẻ Mai Gia Huy, sinh ngày 29/9/2010 cho bà Nguyễn Thị Mỹ H trực tiếp nuôi dưỡng.

*Nghĩa vụ cấp dưỡng việc nuôi con*: Ghi nhận sự tự nguyện bà Nguyễn Thị Mỹ H, về việc không yêu cầu ông Mai Hoàng M cấp dưỡng việc nuôi con chung.

Ông Mai Hoàng M được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung*: Bà H khai bà và ông M không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về nợ chung:* Bà H khai bà và ông M không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các bên thi hành án tại Cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

**2. Án phí DSST :** 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) bà Nguyễn Thị Mỹ H nộp toàn bộ, được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp theo biên lai thu số 0021985 ngày 14/10/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình TH. Sau khi căn trừ H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

**3. Quyền kháng cáo:** Bà Nguyễn Thị Mỹ H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Mai Hoàng M được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Q.Bình TH;
- THA DS Q.Bình TH;
- UBND P.2, Q. Bình TH;
- Đường sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Chu Thị Nguyệt**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN      THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Chu Thị Nguyệt**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN BÌNH THẠNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

Vào lúc 09 giờ 00 phút ngày 05 tháng 01 năm 2018 tại phòng xử án Tòa án nhân dân quận Bình TH.

Hội đồng xét xử sơ thẩm với thành phần gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phan Nguyên Nguyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Kim Yển

2/ Bà Nguyễn Thị Phương

Đã tiến hành nghị án hồ sơ thụ lý số 0739/2017/HNST ngày 25/4/2017  
giữa:

*Nguyên đơn:* Bà **Trần Phan Đan Thy** - sinh năm 1995

Địa chỉ: 13/4 Tân Chánh Hiệp, Phường Tân Chánh Hiệp, quận 12.



Bị đơn: Ông **Thái Kim Tân**

- sinh năm 1992

Địa chỉ: 480/65/24/21 Bình Quới, phường 28, quận Bình TH, thành phố Hồ Chí M.

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận và biểu quyết 3/3 quyết định những vấn đề sau:

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ khoản 1 điều 28, điều 35, khoản 1 điều 273 bộ luật tố tụng dân sự có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2016 .

- Căn cứ điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2014.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Phan Đan Thy

- Về hôn nhân : Bà Trần Phan Đan Thy được ly hôn ông Thái Kim Tân.

- Về con chung: có một con chung tên Thái Thanh – sinh ngày 16/10/2012. Giao trẻ Thái Thanh cho bà Thy trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Tân được quyền thăm nom giáo dục con chung. Không ai được quyền ngăn cản.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí hôn nhân sơ thẩm bà Trần Phan Đan Thy chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0034732 ngày 17/4/2017 của chi cục Thi hành án dân sự quận Bình TH .

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bà Trần Phan Đan Thy được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, Ông Thái Kim Tân được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

### **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Nguyên Nguyên**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN      THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lương Thanh Mười**